

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2024

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Ông Ngô Văn Bi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Kim L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

(Anh D xin vắng mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Duy trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị Kim L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 08/08/2014, tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị L nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh không có quan hệ tình

cảm với người phụ nữ khác. Anh đã giải thích nhưng chị L không tin tưởng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 2/2023 đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng có trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Ngoài ra, anh và gia đình chị L có mâu thuẫn nên anh và chị L không thể tiếp tục chung sống với nhau. Giữa năm 2023, chị L gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng sau đó chị L rút lại yêu cầu xin ly hôn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ái D, sinh ngày 16/10/2017 và Nguyễn Phạm Mẫn D, sinh ngày 14/7/2020. Hiện nay, hai con đang sống chung với chị L. Ly hôn, anh đồng ý giao hai con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 07/3/2024, bị đơn chị Phạm Thị Kim L trình bày:*

Chị và anh D kết hôn vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn chung sống đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 6/2023, chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh D nhưng sau đó chị đã rút lại yêu cầu ly hôn để vợ chồng đoàn tụ gia đình. Nay anh D yêu cầu ly hôn, chị đồng ý nhưng với điều kiện chị và anh D phải thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ái D, sinh ngày 16/10/2007 và Nguyễn Phạm Mẫn D, sinh ngày 14/7/2020. Hiện nay, hai con đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con).

** Ý kiến của kiểm sát viên:*

- Về thẩm quyền thụ lý, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như: Thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử,...; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; tất cả thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc D. Cho anh Nguyễn Ngọc Duy được ly hôn với chị Phạm Thị Kim L. Giao cho chị L tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ái D, sinh ngày 16/10/2007 và Nguyễn Phạm Mẫn D, sinh ngày 14/7/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D về việc cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con). Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Anh Nguyễn Ngọc D xin ly hôn với chị Phạm Thị Kim L nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 15/7/2024, anh Nguyễn Ngọc D gửi đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/7/2024. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Ngọc D và chị Phạm Thị Kim L.

[2] Về nội dung vụ kiện

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân

Anh Nguyễn Ngọc D xin ly hôn với chị Phạm Thị Kim L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/08/2014, tại UBND xã T nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị L được pháp luật công nhận. Nay anh D xin ly hôn nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải anh D trình bày, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2023. Nguyên nhân là do chị L nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên cãi nhau. Anh và chị L sống ly thân từ tháng 2/2023 đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng có trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Ngoài ra, anh có mâu thuẫn với gia đình chị L nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 07/3/2024, chị L đồng ý ly hôn với anh D. Ngoài ra, vào tháng 6/2023, chị L đã từng nộp đơn xin ly hôn với anh D nhưng xin rút lại yêu cầu ly hôn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đoàn tụ gia đình. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải là tạo điều cho anh chị gặp nhau để trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đến, chứng tỏ chị L không muốn hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình. Do đó, cho thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ái D, sinh ngày 16/10/2007 và Nguyễn Phạm Mẫn D, sinh ngày 14/7/2020. Anh Duy và chị L trình bày thống nhất, 02 con anh chị đang sống với chị L. Tiếp tục giao 02 con cho chị L nuôi dưỡng. Anh D cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con). Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Tại bản tự khai ngày 07/3/2024, chị L trình bày: *Chị đồng ý ly hôn với anh D nhưng với điều kiện chị và anh D phải thỏa thuận phân chia tài*

sản chung và nợ chung của vợ chồng... Xét thấy, chị L trình bày môn thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng nhưng không gửi đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tài sản chung và nợ chung của anh D và chị L.

[3] Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Anh Nguyễn Ngọc D.

- Anh Nguyễn Ngọc D được ly hôn với chị Phạm Thị Kim L.

2. Về con chung:

- Giao 02 con tên Nguyễn Phạm Ái D, sinh ngày 16/10/2007 và Nguyễn Phạm Mẫn D, sinh ngày 14/7/2020 cho chị Phạm Thị Kim L tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 (*năm triệu*) đồng (2.500.000 đồng/con).

- Anh Nguyễn Ngọc D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Phạm Thị Kim L và thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0001579 ngày 29/01/2024, của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Tân Phú Đông. Anh Nguyễn Ngọc D còn phải nộp tiếp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm.

- Chị Phạm Thị Kim L không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thới;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoàng Nhi